

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đức Minh

2. Ông Trương Hữu Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 469/2023/TB-TLVA ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nhan Anh T, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông Nhan Anh T có mặt.

Bị đơn bà Lê Thị L được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 10 năm 2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nhan Anh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nhan Anh T và bà Lê Thị L chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 02/8/2007. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc, cuộc sống tẻ nhạt, mệt mỏi, hiện nay hai bên đã không còn sống chung với nhau được 01 năm nay. Vì vậy, ông Nhan Anh T quyết định làm đơn ly hôn với bà Lê Thị L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Nhan Anh T và bà Lê Thị L có 02 con chung tên Nhan Tuấn A, sinh ngày 09/4/2008 và Nhan Thị Ngọc A1, sinh ngày 08/5/2014. Ông Nhan Anh T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà Lê Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Bị đơn bà Lê Thị L thể hiện:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn bà Lê Thị L biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà Lê Thị L vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy: Nguyên đơn ông T và bị đơn bà L đăng ký kết hôn ngày 02/8/2007 tại UBND xã L, huyện H, tỉnh Bình Dương. Quá trình sống chung có 02 con chung.

Hiện nay, cho rằng vợ chồng sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc, đã không còn sống chung từ năm 2023 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn bà L

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng đầy đủ theo quy định nhưng bị đơn bà L vẫn không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua xác minh của Tòa án thì bị đơn bà L đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích của hôn nhân không đạt được (không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; bỏ mặc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng).

Về con chung: Các cháu có nguyện vọng được sống cùng nguyên đơn ông T.

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nhan Anh T khởi kiện bà Lê Thị L về việc ly hôn. Bà Lê Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nhan Anh T và bà Lê Thị L chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 02/8/2007. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc, cuộc sống tẻ nhạt, mệt mỏi, hiện nay hai bên đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Vì vậy, ông Nhan Anh T quyết định làm đơn ly hôn với bà Lê Thị L.

Tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”. Mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo tạo điều kiện cho bị đơn bà Lê Thị L 02 lần hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng minh bà Lê Thị L không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình cùng chung sống với nguyên đơn. Đồng thời tại biên bản xác minh ngày 01/3/2024 của Tòa án đối với Chính quyền ấp L, xã L, huyện D xác định bà L hiện nay nợ rất nhiều người, nợ tiền của chi hội ấp, Ngân hàng chính sách huyện D và thường xuyên vắng mặt ở nhà. Hiện nay bà L đi đâu không rõ, nhiều người đòi nợ và việc này ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của ông T. Đây cũng là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn gia đình về vấn đề kinh tế, tài chính diễn ra trong thời gian dài. Xét tình trạng hôn nhân gia đình của các đương sự không thể tiếp tục hàn gắn với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông Nhan Anh T đối với bà Lê Thị L là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà L có 02 con chung tên Nhan Tuấn A, sinh ngày 09/4/2008 và Nhan Thị Ngọc A1, sinh ngày 08/5/2014. Hiện nay 02 con chung đang do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Nhan Thị Ngọc A1 đang học lớp 5 trường Tiểu học L1, còn cháu N Tuấn A đã học xong lớp 7 và đã nghỉ học hơn 01 năm nay, đồng thời tại bản tự khai ngày 08/3/2024, hai cháu đều có nguyện vọng được chung sống với ba tên Nhan Anh T, nếu ba mẹ yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và việc ăn học ổn định, phát triển tâm sinh lý của 02 con chung nên cần tiếp tục giao 02 con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà Lê Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nhan Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 21, 51, 53, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Anh T đối với bà Lê Thị L về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nhan Anh T ly hôn với bà Lê Thị L.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nhan Tuấn A, sinh ngày 09/4/2008 và Nhan Thị Ngọc A1, sinh ngày 08/5/2014 cho ông Nhan Anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nhan Anh T về việc không yêu cầu bà Lê Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn thì ông Nhan Anh T và bà Lê Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của

người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nhan Anh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009592 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 27/6/2024).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Long Hòa (Giấy CNKH số 70, quyền số 01 ngày 02/8/2007);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam